TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **567**/2017/QĐST–HNGĐ	*Hai Bà Trưng, ngày 01 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 745/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2017 về việc ly hôn, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1989 - Hộ khẩu thường trú: Phố X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1985 - Hộ khẩu thường trú: Phố X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự (chị A, anh B) cụ thể như sau:

- Về con chung:

Chị A, anh B xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Q, sinh ngày 24/11/2011 và cháu Trần K, sinh ngày 27/6/2013, tình trạng sức khoẻ của con chung bình thường.

Chị A và anh B thoả thuận chị A trực tiếp nuôi cháu K, anh B trực tiếp nuôi cháu Q, kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con. Hai bên không phải đóng góp nuôi con cho nhau.

Chị A, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung vợ chồng: Chị A, anh B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà không xem xét.

- Về nợ chung vợ chồng: Chị A, anh B xác nhận vợ chồng không có nợ chung, và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà không xem xét.

- Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị A chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 150.000đ, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003139 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, hoàn trả chị A 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường P, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (số 39 ngày 29/6/2011, quyển số 39);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Mỹ Lanh